**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÁO CÁO**

**CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC LOGISTICS**

**Số tháng 5/2018**

**THUỘC NHIỆM VỤ**

 **“Xây dựng Hệ thống cung cấp, kết nối thông tin, dữ liệu logistics
giai đoạn 2017-2020”**

**Hà Nội, 2018**

**MỤC LỤC**

[**1.** **Các quy định, chính sách chung về logistics** 1](#_Toc515636371)

[***1.1.*** ***Một số thay đổi chính trong thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan hàng hóa:*** 2](#_Toc515636372)

[***1.2.*** ***Một số thủ tục về lưu thông hàng hóa tại Tp. Hồ Chí Minh được bãi bỏ*** 6](#_Toc515636373)

[**2.** **Về hạ tầng phục vụ logistics:** 8](#_Toc515636374)

[***2.1.*** ***Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.*** 8](#_Toc515636375)

[***2.2.*** ***Điều kiện về kho bãi đối với hoạt động tạm, nhập tái xuất hàng đông lạnh:*** 11](#_Toc515636376)

[**3.** **Về vận tải:** 12](#_Toc515636377)

[***3.1.*** ***Sửa đổi một số quy định trong xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.*** 12](#_Toc515636378)

[***3.2.*** ***Tàu biển, phương tiện thủy nội địa được quy định phải lắp đặt thiết bị AIS .*** 13](#_Toc515636379)

**NỘI DUNG BÁO CÁO**

1. **Các quy định, chính sách chung về logistics**
	1. ***Một số thay đổi chính trong thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan hàng hóa:***

Nghị định 59/2018/NĐ-CP của Chính phủ đưa ra một số quy định mới về biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đáng lưu ý và có tác động trực tiếp đến lĩnh vực logistics.

*1.1.1. Cửa khẩu xuất được xác định như sau:*

a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu xuất là cảng xếp hàng, nơi hàng hóa được xếp lên phương tiện vận tải ghi trên tờ khai hải quan.

b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu xuất là địa điểm xếp hàng tại cửa khẩu đường sắt liên vận quốc tế ghi trên tờ khai hải quan.

c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, cửa khẩu xuất là cửa khẩu biên giới nơi xuất khẩu hàng hóa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các chứng từ khác có liên quan.

*1.1.2.  Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển*

Nội dung về Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa trung chuyển tại cảng biển được bổ sung, sửa đổi như sau:

1. Hàng hóa trung chuyển được vận chuyển bằng đường biển từ nước ngoài vào khu vực trung chuyển tại cảng biển, sau đó được đưa ra nước ngoài từ chính khu vực trung chuyển này hoặc đưa đến khu vực trung chuyển tại bến cảng, cảng biển khác để đưa ra nước ngoài. Hàng hóa trung chuyển vận chuyển giữa các cảng biển phải được vận chuyển bằng đường thủy nội địa, đường biển. Hàng hóa trung chuyển được đưa toàn bộ ra nước ngoài một lần hoặc nhiều lần.

2. Hoạt động trung chuyển hàng hóa quy định tại Điều này bao gồm việc xếp dỡ, vận chuyển, lưu giữ hàng hóa theo yêu cầu của người vận chuyển tại khu vực trung chuyển của cửa khẩu nhập hoặc khu vực trung chuyển của cửa khẩu xuất.

Thời hạn lưu giữ hàng hóa trung chuyển không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

Trường hợp hàng hóa trung chuyển trong thời gian được lưu giữ tại cảng biển Việt Nam bị hư hỏng, tổn thất cần phải có thêm thời gian để khắc phục thì thời gian trung chuyển được gia hạn tương ứng với thời gian cần thiết để thực hiện các công việc đó và phải được cơ quan hải quan nơi làm thủ tục trung chuyển chấp thuận; trường hợp hàng hóa trung chuyển được trung chuyển theo văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền thì phải được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận việc gia hạn.

3. Khu vực trung chuyển khi lưu giữ hàng trung chuyển phải đảm bảo tách biệt với khu vực lưu giữ hàng hóa khác của cảng, có lắp đặt hệ thống ca-mê-ra giám sát và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan. Hàng hóa ra, vào khu vực trung chuyển phải được theo dõi, quản lý bằng phần mềm ứng dụng và được kết nối với cơ quan hải quan.

4. Khu vực thực hiện trung chuyển hàng hóa tại cảng biển Việt Nam thuộc cảng biển loại IA theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cảng biển thành phố Hồ Chí Minh và có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Chậm nhất là 5 ngày trước ngày đầu tiên thực hiện dịch vụ trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản về vị trí khu vực trung chuyển đến Chi cục Hải quan nơi quản lý khu vực trung chuyển để thực hiện giám sát. Trường hợp thay đổi vị trí, diện tích khu vực trung chuyển, doanh nghiệp kinh doanh cảng biển gửi thông báo bằng văn bản trước khi đưa hàng trung chuyển vào lưu giữ.

6. Hàng hóa trung chuyển chịu sự giám sát hải quan từ khi đến cảng biển Việt Nam, trong suốt quá trình lưu giữ tại cảng và quá trình vận chuyển cho đến khi hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Việc kiểm tra thực tế hàng hóa trung chuyển chỉ áp dụng trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

7. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa trung chuyển:

a) Tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ thay thế tờ khai theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;

b) Bản kê chi tiết hàng hóa đưa vào khu vực trung chuyển theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;

c) Chứng từ vận tải: 01 bản chụp;

d) Văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật: 01 bản chính.

8. Trách nhiệm của người khai hải quan

a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, nguyên niêm phong hải quan hoặc nguyên niêm phong của hãng tàu trong suốt quá trình vận chuyển hàng hóa, lưu giữ tại cảng;

c) Xuất trình hàng hóa để kiểm tra thực tế hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan;

d) Đưa toàn bộ hàng hóa trung chuyển ra nước ngoài trong thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này.

9. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:

a) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ hải quan quy định tại Khoản 7 Điều này;

b) Thực hiện giám sát hàng hóa trung chuyển;

c) Niêm phong hải quan đối với phương tiện chứa hàng trong trường hợp hàng hóa trung chuyển được vận chuyển giữa các bến cảng trong cùng một cảng biển và trong trường hợp phương tiện chứa hàng không còn nguyên niêm phong của hãng vận chuyển;

d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.

10. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất:

a) Kiểm tra các thông tin trên Tờ khai vận chuyển hoặc chứng từ thay thế tờ khai trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

b) Kiểm tra tình trạng niêm phong hải quan hoặc niêm phong của hãng vận chuyển hoặc nguyên trạng hàng hóa trong trường hợp hàng hóa không thể niêm phong;

c) Thực hiện việc giám sát hàng hóa trung chuyển xếp lên phương tiện vận tải để xuất ra nước ngoài;

d) Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm.

*1.1.3.  Thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm*

Nội dung này được quy định như sau:

1. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập - tái xuất:

a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;

b) Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: 01 bản chụp;

c) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm nhập - tái xuất để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp;

d) Giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.

2. Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm xuất - tái nhập:

a) Tờ khai hải quan theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành;

b) Văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm (trừ tạm xuất - tái nhập để giới thiệu sản phẩm): 01 bản chụp;

c) Giấy phép xuất khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan: 01 bản chính.

3. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan nơi có hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh hoặc Chi cục quản lý doanh nghiệp chế xuất đối với trường hợp doanh nghiệp chế xuất đưa hàng hóa vào nội địa hoặc ra nước ngoài để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.

4. Thời hạn tái xuất, tái nhập:

a) Hàng hóa tạm nhập khẩu để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại Việt Nam phải được tái xuất khẩu trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm đã đăng ký với cơ quan hải quan;

b) Thời hạn tạm xuất khẩu hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm ở nước ngoài là một năm, kể từ ngày hàng hóa được tạm xuất khẩu; nếu quá thời hạn nêu trên mà chưa được tái nhập khẩu thì hàng hóa đó phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam”.

27. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 4 Điều 54 như sau:

“1. Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập để phục vụ công việc trong thời hạn nhất định bao gồm: Hội nghị, hội thảo, nghiên cứu khoa học, giáo dục, thi đấu thể thao, sự kiện văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác, khám chữa bệnh, nghiên cứu và phát triển sản phẩm; máy móc, thiết bị, dụng cụ nghề nghiệp phục vụ công việc trong thời hạn nhất định.

4. Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan cửa khẩu hoặc Chi cục Hải quan Chuyển phát nhanh.”

* 1. ***Một số thủ tục về lưu thông hàng hóa tại Tp. Hồ Chí Minh được bãi bỏ***

Từ ngày 2/5/2018, một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, gồm có

1) T-HCM-272734-TT Cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- Công văn số 351/BCT-KH ngày 15/01/2018 của Bộ Công Thương về việc thẩm quyền cấp các loại Giấy phép kinh doanh rượu, thuốc lá trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

2) T-HCM-272735-TT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu

3) T-HCM-272736-TT Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

4) T-HCM-272737-TT Cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- Công văn số 351/BCT-KH ngày 15/01/2018 của Bộ Công Thương về việc thẩm quyền cấp các loại Giấy phép kinh doanh rượu, thuốc lá trong khu chế xuất, khu công nghiệp.

5) T-HCM-272738-TT Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

6) T-HCM-272739-TT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu

7) T-HCM-272740-TT Cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

- Công văn số 351/BCT-KH ngày 15/01/2018 của Bộ Công Thương về việc thẩm quyền cấp các loại Giấy phép kinh doanh rượu, thuốc lá trong khu chế xuất, khu công nghiệp

8) T-HCM-272741-TT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc l

9) T-HCM-272742-TT Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

10) T-HCM-272743-TT Cấp, cấp lại (trường hợp hết hiệu lực) Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

- Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Công văn số 351/BCT-KH ngày 15/01/2018 của Bộ Côn

Thương về việc thẩm quyền cấp các loại Giấy phép kinh doanh rượu, thuốc lá trong khu chế xuất, khu công nghiệp

11) T-HCM-272744-TT Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (trường hợp do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy

12) T-HCM-272745-TT Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

1. **Về hạ tầng phục vụ logistics:**
	1. ***Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.***

Thông tư 26/2018/TT-BGTVT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia và việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị

* **Nguyên tắc kết nối**

1. Việc kết nối và vị trí kết nối các tuyến đường sắt phải phù hợp với quy hoạch về đường sắt và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc khai thác các tuyến đường sắt sau khi kết nối phải bảo đảm hiệu quả, tạo động lực phát triển hơn so với khi chưa kết nối; bảo đảm đồng bộ, an toàn, quốc phòng, an ninh, phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn, cảnh quan đô thị và bảo vệ môi trường.

3. Việc kết nối các tuyến đường sắt không làm ảnh hưởng đến vận hành, khai thác, an toàn giao thông của các tuyến đường sắt liên quan.

4. Việc điều hành giao thông vận tải trên tuyến đường sắt sau khi kết nối phải tuân thủ theo quy định của Luật Đường sắt và thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chủ trì, phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng hoặc doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị khi kết nối với đường sắt quốc gia;

b) Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị trên tuyến đường sắt đô thị sẽ được kết nối chủ trì, phối hợp và thống nhất với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị trên tuyến đường sắt đô thị có nhu cầu kết nối.

5. Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình kết nối các tuyến đường sắt phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và phải được sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải khi kết nối với đường sắt quốc gia hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi kết nối với đường sắt đô thị.

6. Trường hợp cần kết nối các tuyến đường sắt đô thị để dùng chung kết cấu hạ tầng hoặc kết nối tạm để phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

7. Trường hợp các tuyến đường sắt đô thị do một chủ đầu tư thực hiện đã có kế hoạch chạy tàu thông tuyến, thiết kế kỹ thuật, công nghệ đồng bộ và phù hợp với chủ trương kết nối đã được chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thì được miễn giấy phép kết nối.

* **Điều kiện kết nối**

1. Việc kết nối các tuyến đường sắt phải được cấp có thẩm quyền cho phép và chỉ được thực hiện khi có giấy phép kết nối theo quy định tại Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối phải tương thích với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của tuyến đường sắt sẽ được kết nối.

3. Khổ giới hạn đầu máy toa xe và tải trọng đoàn tàu khi khai thác từ tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối vào tuyến đường sắt sẽ được kết nối không được vượt quá khổ giới hạn đầu máy toa xe, tải trọng cho phép cho từng đoạn, khu đoạn, tuyến đường sắt sẽ được kết nối theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt và công lệnh tải trọng đã công bố.

4. Việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị chỉ thực hiện đối với các tuyến đồng nhất về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng trong xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng, chế tạo đoàn tàu đồng thời bảo đảm công tác quản lý điều hành chạy tàu liên tục, thông suốt, an toàn và hiệu quả.

* **Nội dung kết nối các tuyến đường sắt**

1. Kết nối kỹ thuật giữa các tuyến đường sắt gồm:

a) Kết nối công trình đường sắt, hệ thống thông tin, tín hiệu giao thông đường sắt, hệ thống điện sức kéo;

b) Kết nối các trung tâm điều hành giao thông vận tải của các tuyến đường sắt bảo đảm điều hành thống nhất, tập trung hoạt động giao thông vận tải trên tuyến đường sắt đã được kết nối;

c) Đấu nối không gian và đấu nối kỹ thuật với các công trình lân cận có liên quan tại vị trí kết nối bảo đảm tính đồng bộ theo quy hoạch.

2. Thống nhất phương án tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt đã được kết nối bảo đảm hoạt động vận tải đường sắt thông suốt, an toàn, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

* **Thủ tục cấp giấy phép kết nối**

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao các tài liệu sau:

Quyết định đầu tư dự án kết nối các tuyến đường sắt;

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các công trình tại điểm đ Khoản 1 Điều 8 của Thông tư này và hồ sơ bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ đã được phê duyệt kèm theo Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật;

Phương án tổ chức thi công kết nối các công trình tại điểm đ Khoản 1 Điều 8 của Thông tư này và biện pháp bảo đảm an toàn thi công, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực kết nối;

Phương án tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt đã được kết nối và giải pháp bảo đảm an toàn giao thông sau khi kết nối.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kết nối trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kết nối. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Giấy phép kết nối theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

4. Sau khi đã hoàn thành kết nối, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quyết định công bố, Điều chỉnh hệ thống đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt.

* 1. ***Điều kiện về kho bãi đối với hoạt động tạm, nhập tái xuất hàng đông lạnh:***

Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định cụ thể danh mục hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất, doanh nghiệp kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh thuộc Danh mục hàng thực phẩm đông lạnh kinh doanh tạm nhập, tái xuất có điều kiện theo Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện về kho bãi như sau:

 Có kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh. Cụ thể:

a- Kho, bãi có sức chứa tối thiểu là 100 công-ten-nơ lạnh loại 40 feet, diện tích tối thiểu là 1.500 m2. Kho, bãi được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào cứng, được xây dựng với chiều cao tối thiểu là 2,5 m; có đường dành cho xe chở công-ten-nơ di chuyển ra vào kho, bãi; có cổng ra vào và biển hiệu của doanh nghiệp sử dụng kho, bãi.

b- Kho, bãi có đủ nguồn điện (gồm điện lưới và máy phát điện dự phòng có công suất tương đương) và các thiết bị chuyên dùng kèm theo để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo sức chứa của kho, bãi.

c- Kho, bãi phải thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc do doanh nghiệp ký hợp đồng thuê; phải nằm trong khu vực quy hoạch hệ thống kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh hoặc trong khu vực do Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quy định sau khi thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

1. **Về vận tải:**
	1. ***Sửa đổi một số quy định trong xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.***

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.*

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt, lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa và Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

**“Điều 15. Mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa**

Ban hành kèm theo Thông tư này một số mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. Các loại mẫu biên bản, mẫu quyết định khác áp dụng theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Thông tư này cũng Bãi bỏ Phụ lục mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

* 1. ***Tàu biển, phương tiện thủy nội địa được quy định phải lắp đặt thiết bị AIS .***

Theo quy định mới của Bộ Giao thông vận tải, từ ngày 1/7/2018, tàu thuyền được quy định phải lắp đặt thiết bị AIS hoạt động trong vùng nước cảng biển, tuyến vận tải ven biển, tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và vùng nước cảng, bến thủy nội địa, đường thủy nội địa nằm trong phạm vi thu nhận bản tin AIS của trạm bờ AIS, phải tuân thủ các quy định về quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động AIS.

AIS là Hệ thống nhận dạng tự động (Automatic Identification System). Hệ thống này bao gồm các thành Phần cơ bản sau:

a) Thiết bị AIS là thành Phần kỹ thuật được lắp đặt trên tàu thuyền, có chức năng thu phát bản tin AIS;

b) Trạm bờ AIS là thành Phần kỹ thuật được lắp đặt trên bờ, có chức năng thu nhận bản tin AIS được phát ra từ các thiết bị AIS; xử lý, lưu trữ tạm thời và truyền về trung tâm dữ liệu AIS; phát thông tin tới các thiết bị AIS (nếu có);

c) Trung tâm dữ liệu AIS là thành Phần kỹ thuật trên bờ, có chức năng thu nhận bản tin AIS từ trạm bờ AIS; lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin AIS cho người sử dụng thông qua môi trường mạng Internet.

Thông tin nhận dạng tự động của

**Việc lắp đặt và hoạt động của thiết bị AIS trên tàu thuyền**

1. Thiết bị AIS được lắp đặt, cài đặt trên tàu thuyền phải có các thông tin tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 3 và phải tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về AIS.

2. Thiết bị AIS sau khi được lắp đặt, cài đặt và trong quá trình sử dụng trên tàu thuyền phải được kiểm tra bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

3. Thiết bị AIS phải được duy trì hoạt động theo chế độ 24/7.

4. Thiết bị AIS phải được kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến nghị của nhà sản xuất.